BỘ NGOẠI GIAO

Số: 34/2020/TB-LPQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 56 Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Pháp, ký tại Hà Nội ngày 06 tháng 9 năm 2016, có hiệu lực từ ngày ngày 01 tháng 5 năm 2020.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Ngự

HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ
GIỮA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
NƯỚC CỘNG HÒA PHÁP

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Pháp (sau đây gọi là "các Bên"),

Mong muốn tăng cường hợp tác trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự nhằm đấu tranh hiệu quả hơn với các loại tội phạm,

Trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quy định của pháp luật,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
Phạm vi tương trợ

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật hiện hành của mỗi Bên, các Bên dành cho nhau sự tương trợ tư pháp rộng rãi nhất về các vấn đề hình sự.

2. Tương trợ tư pháp có thể bao gồm nhiều hình thức, trong đó chủ yếu là những hình thức sau:

a) tống đạt giấy tờ;

b) triệu tập người làm chứng, người giám định;

c) thu thập và cung cấp chứng cứ, bao gồm cả việc lấy lời khai qua cầu truyền hình;

d) chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ;

f) áp dụng các biện pháp nhằm truy tìm, kê biên, phong tỏa, thu giữ hay tịch thu tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội;

g) trao đổi thông tin, bao gồm cả thông tin ngân hàng về tài khoản và chủ tài khoản tại các ngân hàng trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, thông tin về giao dịch ngân hàng bao gồm các thông tin về bất kể tài khoản chuyển tiền và nhận tiền nào có liên quan đến hoạt động điều tra hình sự tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp này, Bên được yêu cầu, trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm ngân hàng không tiết lộ cho khách hàng có liên quan hay bên thứ ba về các thông tin được chuyển cho Bên yêu cầu;

h) nhận dạng và xác định chỗ ở;

i) thực hiện yêu cầu khám xét;

j) các hình thức tương trợ khác phù hợp với mục đích của Hiệp định này và không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

3. Tương trợ cũng được thực hiện liên quan đến điều tra, truy tố, xét xử hay hoạt động tố tụng khác liên quan đến các tội phạm về thuế, hải quan, kiểm soát trao đổi ngoại tệ và các vấn đề thu nhập khác.

4. Hiệp định này không áp dụng đối với:

a) việc dẫn độ, bắt hoặc giam giữ người để dẫn độ;

b) thi hành tại Bên được yêu cầu bản án hình sự được tuyên tại Bên yêu cầu, trừ những trường hợp pháp luật của Bên được yêu cầu và Hiệp định này cho phép, đặc biệt là đối với các biện pháp tịch thu tài sản quy định tại Điều 14;

c) chuyển giao người bị kết án hình sự để thi hành án;

d) các thủ tục tố tụng liên quan đến tội phạm quân sự mà không phải là tội phạm hình sự thông thường.

Điều 2

Cơ quan Trung ương

1. Mỗi Bên chỉ định Cơ quan Trung ương vì mục đích thi hành Hiệp định này.

2. Các cơ quan sau đây được chỉ định là Cơ quan Trung ương khi Hiệp định này có hiệu lực:

a) đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) đối với nước Cộng hòa Pháp là Bộ Tư pháp.

3. Các Bên, thông qua kênh ngoại giao, sẽ thông báo cho nhau nếu có sự thay đổi về Cơ quan Trung ương quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan Trung ương của các Bên sẽ gửi cho nhau các yêu cầu tương trợ và kết quả thực hiện theo quy định của Hiệp định này. Trong trường hợp cần thiết, các Bên có thể liên hệ với nhau thông qua kênh ngoại giao.

Điều 3

Nội dung và hình thức văn bản yêu cầu tương trợ

1. Văn bản yêu cầu tương trợ bao gồm:

a) tên, địa chỉ của cơ quan lập yêu cầu và tên, địa chỉ của cơ quan có trách nhiệm đối với hoạt động tố tụng liên quan đến yêu cầu;

b) tên và địa chỉ của cơ quan tiếp nhận yêu cầu;

c) mô tả về nội dung tương trợ; mục đích và căn cứ của yêu cầu; nội dung và các tình tiết có liên quan của vụ án; thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội; trích dẫn điều luật quy định tội danh và hình phạt có thể được áp dụng; tiến độ điều tra, truy tố, xét xử vụ án và thời hạn mong muốn thực hiện yêu cầu.

2. Văn bản yêu cầu tương trợ có thể bao gồm:

a) đặc điểm nhận dạng, quốc tịch, chỗ ở của người có liên quan trong vụ án hình sự;

b) các vấn đề cần thẩm vấn, danh sách câu hỏi và mô tả tài liệu, hồ sơ hoặc vật chứng cần thu thập đối với yêu cầu thu thập chứng cứ; nếu cần thiết thì mô tả người được yêu cầu cung cấp tài liệu, hồ sơ hoặc vật chứng đó;

c) đối với yêu cầu khám xét, thu giữ, truy tìm hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội, mô tả về tài sản và địa điểm cần khám xét, căn cứ cho rằng tài sản và công cụ, phương tiện đó đang tồn tại ở Bên được yêu cầu và có thể thuộc quyền tài phán của Bên yêu cầu và việc thi hành bản án, quyết định của tòa án liên quan đến yêu cầu; mô tả biện pháp có thể áp dụng đối với yêu cầu tương trợ có thể dẫn đến việc phát hiện hoặc thu giữ tài sản và công cụ, phương tiện đó;

d) chi tiết về các thủ tục cụ thể mà Bên yêu cầu mong muốn được áp dụng;

e) mức độ bảo mật và lý do kèm theo;

f) mục đích, dự định thời gian và lịch trình chuyến đi trong trường hợp người có thẩm quyền của Bên yêu cầu mong muốn đến lãnh thổ của Bên được yêu cầu vì mục đích thực hiện yêu cầu tương trợ;

g) bất kỳ tài liệu khác cần thiết để thực hiện yêu cầu hay thông tin nào khác có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện yêu cầu.

3. Nếu Bên được yêu cầu xét thấy thông tin trong văn bản yêu cầu không đủ để thực hiện yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này, thì đề nghị bổ sung thông tin bằng văn bản và ấn định thời hạn cụ thể trả lời kết quả bổ sung.

4. Nếu cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu lập một yêu cầu tương trợ để bổ sung cho một yêu cầu trước đó, thì yêu cầu bổ sung không đòi hỏi cung cấp các thông tin đã có trong yêu cầu trước đó. Yêu cầu bổ sung phải bao gồm các thông tin cần cho việc xác định yêu cầu ban đầu.

5. Yêu cầu tương trợ phải được lập bằng văn bản, trừ trường hợp Bên

được yêu cầu chấp nhận trong trường hợp khẩn cấp yêu cầu bằng hình thức khác cho phép Bên được yêu cầu có thể xác định được tính xác thực. Sau đó, Bên yêu cầu phải gửi ngay yêu cầu bằng văn bản cho Bên được yêu cầu.

6. Yêu cầu tương trợ và tài liệu kèm theo được lập bằng ngôn ngữ của Bên yêu cầu và kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác mà Bên được yêu cầu chấp nhận.

Điều 4

Từ chối hoặc hoãn thực hiện tương trợ

1. Tương trợ sẽ bị từ chối theo quy định của Hiệp định này trong các trường hợp sau đây:

a) nếu Bên được yêu cầu cho rằng việc thực hiện yêu cầu sẽ phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự công cộng và các lợi ích thiết yếu khác của mình, hoặc có thể trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình hay điều ước quốc tế mà nước mình là thành viên;

b) nếu yêu cầu liên quan đến một tội phạm mà Bên được yêu cầu cho là tội phạm có tính chất chính trị;

c) nếu yêu cầu liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về một tội phạm mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đại xá, đặc xá tại Bên được yêu cầu và Bên được yêu cầu cho rằng các thủ tục tố tụng tại Bên yêu cầu nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự về cùng con người và tội phạm đó.

2. Tương trợ có thể không được thực hiện theo Hiệp định này:

a) nếu yêu cầu liên quan đến hành vi phạm tội đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật Bên được yêu cầu;

b) nếu yêu cầu liên quan đến hành vi không cấu thành tội phạm theo pháp luật Bên được yêu cầu.

3. Bên được yêu cầu không được từ chối hợp tác liên quan đến một yêu cầu tương trợ vì lý do bí mật ngân hàng.

4. Tương trợ có thể bị Bên được yêu cầu hoãn thực hiện nếu việc thực hiện yêu cầu cản trở quá trình điều tra, truy tố và xét xử đang được tiến hành trên lãnh thổ Bên được yêu cầu.

5. Trước khi từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ theo quy định tại Điều này, Bên được yêu cầu phải:

a) thông báo ngay cho Bên yêu cầu về lý do từ chối, hoãn; và

b) trao đổi với Bên yêu cầu để xác nhận khả năng thực hiện tương trợ với các điều kiện cụ thể mà Bên được yêu cầu cho là cần thiết. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận thì phải tuân thủ các điều kiện đó.

Điều 5

Thực hiện yêu cầu tương trợ

1. Bên được yêu cầu phải thực hiện nhanh nhất có thể yêu cầu tương trợ theo quy định của pháp luật nước mình.

2. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu phải thực hiện yêu cầu theo cách thức và thủ tục mà Bên yêu cầu đưa ra trừ khi Hiệp định này có quy định khác và cách thức, thủ tục đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Bên được yêu cầu.

3. Trong trường hợp yêu cầu không thể được thực hiện hay không thể được thực hiện đầy đủ, Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên yêu cầu và đề ra các điều kiện để yêu cầu có thể được thực hiện. Bên yêu cầu và Bên được yêu cầu sau đó có thể thống nhất cách thức thực hiện yêu cầu.

4. Nếu có đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu phải thông báo về thời gian và địa điểm thực hiện yêu cầu. Nếu cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu đồng ý, người có thẩm quyền của Bên yêu cầu có thể tham dự vào việc thực hiện yêu cầu này.

5. Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu về kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 6

Tống đạt giấy tờ

1. Bên được yêu cầu phải tống đạt bản án, quyết định và các giấy tờ tư pháp khác do Bên yêu cầu chuyển đến với mục đích tống đạt. Bên được yêu cầu phải thực hiện việc tống đạt theo một trong các hình thức được quy định bởi pháp luật nước mình hoặc, nếu có đề nghị của Bên yêu cầu, theo hình thức do Bên yêu cầu đề nghị, phù hợp với pháp luật của Bên được yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu phải chuyển cho Bên yêu cầu văn bản xác nhận đã tống đạt giấy tờ nêu rõ cách thức và thời gian tống đạt. Nếu việc tống đạt không thực hiện được, Bên yêu cầu phải được thông báo lý do.

3. Trường hợp yêu cầu tống đạt giấy triệu tập người làm chứng, người giám định, Bên yêu cầu phải gửi giấy triệu tập cho Bên được yêu cầu trong thời hạn chín mươi (90) ngày trước ngày dự định người đó có mặt tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể không áp dụng thời hạn này.

Điều 7

Cung cấp hồ sơ, tài liệu khác

1. Bên được yêu cầu sẽ cung cấp các bản sao tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin liên quan đến việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Trích sao, trích lục hoặc thông tin về tiền án, tiền sự được cung cấp phù hợp với pháp luật của Bên được yêu cầu và ở mức độ tương đương với việc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền Bên đó trong trường hợp tương tự.

3. Bên được yêu cầu có thể cung cấp bản sao có chứng thực của các tài liệu, hồ sơ gốc, trừ trường hợp Bên yêu cầu đề nghị cung cấp bản gốc.

4. Bên được yêu cầu có thể hoãn việc cung cấp hồ sơ, tài liệu, đồ vật nếu hồ sơ, tài liệu, đồ vật đó đang được sử dụng cho các hoạt động tố tụng hình sự đang được tiến hành.

Điều 8

Trả lại tài liệu

Bên yêu cầu được giữ lại chứng cứ và bản gốc hồ sơ, tài liệu được chuyển giao theo một yêu cầu tương trợ trừ trường hợp Bên được yêu cầu đề nghị trả lại.

Điều 9

Khám xét và thu giữ

1. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu phải thực hiện yêu cầu về khám xét và thu giữ chứng cứ. Trong trường hợp này, quyền và lợi ích hợp pháp của Bên thứ ba ngay tình được tôn trọng và bảo vệ.

2. Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu về kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ này.

3. Bên yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện do Bên được yêu cầu đưa ra liên quan đến việc chuyển giao đồ vật, tài liệu bị thu giữ cung cấp cho Bên yêu cầu.

Điều 10

Thu thập chứng cứ và lấy lời khai

1. Trong phạm vi pháp luật của mình và nếu có yêu cầu, Bên được yêu cầu lấy lời khai hoặc bản tường trình của những người liên quan hoặc yêu cầu họ đưa ra đồ vật là chứng cứ để chuyển cho Bên yêu cầu.

2. Người mà Bên được yêu cầu sẽ thu thập chứng cứ theo yêu cầu tương trợ theo Điều này có thể từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp sau:

a) pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu; hoặc

b) pháp luật của Bên yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

3. Nếu người trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu tuyên bố rằng pháp luật của Bên yêu cầu có quy định về quyền hoặc nghĩa vụ phải từ chối cung cấp chứng cứ, thì Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu, nếu được yêu cầu, phải cung cấp một văn bản xác nhận cho Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu về quy định về quyền hoặc nghĩa vụ đó. Trong trường hợp không có căn cứ ngược lại, thì văn bản xác nhận đó sẽ là căn cứ đầy đủ về những vấn đề được nêu trong đó.

4. Theo Điều này, việc thu thập chứng cứ và lấy lời khai bao gồm cả việc thu thập, cung cấp tài liệu, hồ sơ hoặc đồ vật khác liên quan đến việc thu thập chứng cứ và lấy lời khai.

Điều 11

Chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ vì mục đích tương trợ

1. Người đang bị giam giữ tại Bên được yêu cầu có thể được chuyển giao tạm thời sang lãnh thổ của Bên yêu cầu nếu Bên yêu cầu đề nghị sự có mặt của người đó để cung cấp chứng cứ hoặc hỗ trợ điều tra.

2. Bên được yêu cầu chỉ chuyển giao người đang bị giam giữ cho Bên yêu cầu khi:

a) người đó đồng ý bằng văn bản;

b) các Bên thống nhất các điều kiện về việc giam giữ và an toàn cho người được chuyển giao và thời hạn trao trả người được chuyển giao.

3. Việc chuyển giao có thể bị từ chối:

a) nếu người đang bị giam giữ đó cần tham gia trong các thủ tục tố tụng hình sự đang được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu;

b) nếu việc chuyển giao có thể dẫn đến kéo dài thời gian bị giam giữ của người đó.

4. Vì mục đích của Điều này:

a) người được chuyển giao phải được giam giữ tại Bên mà người đó đã được chuyển giao đến trừ trường hợp Bên đã giam giữ người đó đề nghị trả tự do cho người đó. Người được chuyển giao theo quy định của Điều này phải được trao trả cho Bên được yêu cầu theo cách mà các Bên đã thỏa thuận hoặc tại thời điểm sớm hơn khi sự có mặt của người đó không còn cần thiết. Thời gian chuyển giao và giam giữ ở Bên yêu cầu của người được chuyển giao sẽ được khấu trừ vào thời gian bị giam giữ mà người đó phải chấp hành;

b) khi Bên được yêu cầu thông báo cho Bên yêu cầu là không cần giam giữ người được chuyển giao nữa, thì người đó phải được trả tự do và được đối xử như đối với người được quy định tại Điều 12;

c) trong trường hợp người được chuyển giao bỏ trốn trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu có thể đề nghị tiến hành điều tra hình sự về sự việc này.

Điều 12

Sự có mặt của người làm chứng hoặc người giám định tại Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ

1. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ mời người làm chứng hoặc người giám định sang Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu. Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu về ý kiến của người làm chứng hoặc người giám định.

2. Giấy triệu tập phải thể hiện nội dung bảo đảm an toàn quy định tại Điều 13 và các điều kiện cần thiết khác như chỗ ở, đi lại và các chi phí hay tiền trợ cấp được thanh toán tại Bên yêu cầu. Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu về ý kiến trả lời của người làm chứng hoặc người giám định. Nếu người đó đồng ý thì áp dụng các thủ tục cần thiết để thực hiện yêu cầu.

3. Người làm chứng hoặc người giám định không đồng ý có mặt theo giấy triệu tập sẽ không chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào kể

cả khi được nêu trong giấy triệu tập, trừ trường hợp sau đó người đó tự nguyện nhập cảnh vào lãnh thổ của Bên yêu cầu và được triệu tập lại theo đúng thủ tục tại Bên yêu cầu.

Điều 13

Bảo đảm an toàn

1. Người có mặt trên lãnh thổ Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ tại Điều 11 và Điều 12 Hiệp định này sẽ:

a) không bị truy cứ trách nhiệm hình sự, bị giam giữ hoặc bị hạn chế tự do cá nhân trên lãnh thổ của Bên yêu cầu về hành vi được cho là phạm tội của người đó được thực hiện trước khi rời khỏi Bên được yêu cầu.

b) không phải cung cấp chứng cứ hay hỗ trợ điều tra trong bất kỳ thủ tục tố tụng hình sự nào, không phải hỗ trợ bất kỳ việc điều tra hình sự nào ngoài phạm vi vấn đề hình sự đã nêu trong yêu cầu tương trợ, nếu người đó không đồng ý.

2. Khoản 1 Điều này không áp dụng nếu người đó đã được tự do rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu, nhưng đã không rời khỏi trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ khi được thông báo chính thức là sự có mặt của người đó là không còn cần thiết hoặc đã rời khỏi nhưng tự quay trở lại.

3. Người không đồng ý hỗ trợ điều tra hay cung cấp chứng cứ theo Điều 11 hoặc Điều 12 của Hiệp định này sẽ không phải chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào tại Bên yêu cầu hay Bên được yêu cầu.

4. Người đồng ý hỗ trợ điều tra hay cung cấp chứng cứ theo Điều 11 hoặc Điều 12 Hiệp định này sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về lời khai của họ, trừ việc họ khai báo gian dối.

Điều 14

Tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội

1. Bên được yêu cầu, theo yêu cầu, sẽ xác định xem có tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội có trong phạm vi lãnh thổ của

mình hay không và thông báo cho Bên yêu cầu kết quả điều tra của mình. Đối với yêu cầu này, Bên yêu cầu phải thông báo cho Bên được yêu cầu các căn cứ để tin rằng tài sản và công cụ, phương tiện đó có thể đang tồn tại trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

2. Trong trường hợp tìm thấy tài sản nghi là do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội, Bên được yêu cầu sẽ áp dụng các biện pháp mà pháp luật nước mình cho phép để ngăn chặn việc giao dịch, chuyển giao hay tẩu tán trước khi có quyết định cuối cùng về tài sản này được ban hành.

3. Theo đề nghị của Bên yêu cầu và trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu ưu tiên trả lại tài sản và công cụ, phương tiện phạm tội đó cho Bên yêu cầu, chủ yếu vì mục đích bồi thường cho người bị hại hay trả lại cho người sở hữu hợp pháp nhưng không được ảnh hưởng đến các quyền của bên thứ ba ngay tình.

4. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu, nếu được pháp luật nước mình cho phép, sẽ thực hiện quyết định có hiệu lực cuối cùng về tịch thu tài sản của cơ quan tư pháp của Bên yêu cầu.

5. Trừ trường hợp các Bên có quyết định khác, nếu cần thiết, Bên được yêu cầu có thể khấu trừ các chi phí hợp lý phát sinh trong các thủ tục dẫn đến việc trả lại hay xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định tại Điều này.

6. Theo thỏa thuận trong từng vụ việc cụ thể, các Bên cùng nhau thống nhất cách thức hoặc sắp xếp về việc xử lý cuối cùng đối với tài sản bị tịch thu hoặc phân chia giá trị tài sản nói trên sau khi được bán. Nếu giá trị tài sản là không đáng kể, Bên yêu cầu có thể để cho Bên được yêu cầu xử lý tài sản đó.

7. Vì mục đích của Hiệp định này, "Tài sản do phạm tội mà có" là bất kỳ tài sản có nguồn gốc hoặc có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc thực hiện hành vi phạm tội; và "Công cụ, phương tiện phạm tội" là những công cụ, phương tiện đã, đang hoặc sẽ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Điều 15

Chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Các Bên có thể chuyển giao cho nhau thông tin liên quan đến các tình tiết có thể cấu thành tội phạm thuộc quyền tài phán của Bên tiếp nhận để có thể tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự trên lãnh thổ của Bên tiếp nhận.

2. Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu về các biện pháp được áp dụng trên cơ sở thông tin đó.

Điều 16

Trao đổi thông tin tự nguyện

1. Trong phạm vi của pháp luật trong nước cho phép, cơ quan có thẩm quyền của các Bên, không cần phải có yêu cầu, có thể cung cấp hay trao đổi thông tin về tội phạm hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tiếp nhận tại thời điểm thông tin được cung cấp.

2. Theo quy định của pháp luật trong nước, cơ quan gửi thông tin có thể đưa ra các điều kiện về việc sử dụng thông tin của cơ quan tiếp nhận.

3. Nếu đồng ý tiếp nhận thông tin theo điều kiện, cơ quan tiếp nhận, sau khi đã được thông báo trước về tính chất của thông tin, phải tuân thủ các điều kiện đó.

4. Thông tin này được cung cấp phù hợp với quy định tại Điều 3 khoản 5.

Điều 17

Trao đổi thông tin về tiền án

1. Phù hợp với pháp luật của mỗi Bên, các Bên sẽ thông báo cho nhau thông tin về bản án hình sự mà tòa án của Bên này đã tuyên đối với công dân của Bên kia.

2. Việc gửi thông tin được thực hiện mỗi năm một lần.

Điều 18

Bảo mật và giới hạn sử dụng

1. Bên được yêu cầu có thể đề nghị rằng thông tin hoặc chứng cứ do mình cung cấp hoặc nguồn của thông tin, chứng cứ đó phải được bảo mật

hoặc chỉ được tiết lộ hay sử dụng theo các điều kiện cụ thể. Nếu có ý định áp dụng các điều kiện bảo mật, Bên được yêu cầu phải thông báo trước cho Bên yêu cầu. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận thì phải tuân thủ các điều kiện đó. Nếu không, Bên được yêu cầu có thể từ chối thực hiện tương trợ.

2. Bên được yêu cầu phải thực hiện bảo mật yêu cầu tương trợ và nội dung yêu cầu theo các điều kiện quy định tại pháp luật nước mình. Trường hợp yêu cầu không thể thực hiện nếu như không ảnh hưởng đến tính bí mật, Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu để quyết định nên thực hiện hay không thực hiện yêu cầu.

3. Không có sự đồng ý trước của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu không được sử dụng hay tiết lộ thông tin, chứng cứ được thu thập theo quy định của Hiệp định này vào mục đích khác ngoài mục đích nêu trong yêu cầu tương trợ.

4. Tùy thuộc từng trường hợp cụ thể, Bên được yêu cầu có thể đề nghị Bên yêu cầu thông báo về việc sử dụng thông tin cung cấp.

5. Liên quan đến nội dung dữ liệu và rủi ro trong quá trình xử lý dữ liệu, Bên yêu cầu phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm sự an toàn của dữ liệu, đặc biệt là không để dữ liệu bị thay đổi, hư hại hay bị tiếp cận bởi bên thứ ba không có thẩm quyền.

Điều 19

Chứng nhận và chứng thực

1. Văn bản yêu cầu tương trợ, các tài liệu kèm theo và tài liệu hoặc đồ vật là kết quả thực hiện một yêu cầu tương trợ không đòi hỏi bất kỳ hình thức chứng nhận hay chứng thực nào trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trong trường hợp cụ thể, khi Bên được yêu cầu hoặc Bên yêu cầu đòi hỏi các tài liệu hoặc đồ vật phải được chứng thực, thì tài liệu hoặc đồ vật đó phải được chứng thực đầy đủ theo cách thức quy định tại khoản 3.

3. Tài liệu hoặc đồ vật được chứng thực theo Hiệp định này là tài liệu, đồ vật được ký và đóng dấu chính thức bởi một người của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật của Bên gửi.

Điều 20

Chi phí

Bên được yêu cầu phải chịu chi phí thực hiện yêu cầu tương trợ, trừ các chi phí dưới đây do Bên yêu cầu chi trả:

a) chi phí liên quan đến chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ quy định tại Điều 11;

b) tiền trợ cấp được chi trả, kinh phí đi lại và các chi phí cơ bản được hoàn trả cho người làm chứng hoặc người giám định và các chi phí khác phát sinh từ công việc giám định trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu quy định tại Điều 12;

c) các chi phí bất thường phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ theo đề nghị của Bên được yêu cầu và thông báo cho Bên yêu cầu nhằm đặt ra các điều kiện để yêu cầu có thể tiếp tục được thực hiện.

Điều 21

Mối quan hệ với các thỏa thuận hay điều ước khác

Hiệp định này không ngăn cản việc thực hiện tương trợ với phạm vi rộng hơn đã hoặc sẽ được thỏa thuận giữa các Bên theo các thỏa thuận hay điều ước khác.

Điều 22

Tham vấn

Các Bên sẽ tham vấn lẫn nhau tại thời điểm thỏa thuận và thông qua kênh ngoại giao liên quan đến giải thích và thi hành Hiệp định này.

Điều 23

Giải quyết bất đồng

Bất kỳ bất đồng phát sinh từ việc giải thích hay thi hành Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng tham vấn trực tiếp giữa các Bên, bằng văn bản và thông qua kênh ngoại giao.

Điều 24

Hiệu lực và chấm dứt Hiệp định

1. Các Bên sẽ thông báo cho nhau về việc hoàn thành các thủ tục cần thiết để Hiệp định này có hiệu lực.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng thứ hai kể từ ngày nhận được thông báo sau cùng.

3. Hiệp định này được áp dụng đối với yêu cầu được lập sau khi Hiệp định có hiệu lực, kể cả yêu cầu liên quan đến hành vi xảy ra trước khi Hiệp định có hiệu lực.

4. Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung khi cả hai Bên đồng ý. Các nội dung sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trong trường hợp sửa đổi bổ sung Hiệp định này, các nội dung sửa đổi, bổ sung là một phần không thể tách rời của Hiệp định này.

5. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này bằng việc thông báo cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao. Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng thứ sáu kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo. Việc chấm dứt Hiệp định không ảnh hưởng đến các yêu cầu được đưa ra trước ngày chấm dứt Hiệp định.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người được ủy quyền đầy đủ đã ký Hiệp định này.

LÀM tại Hà Nội vào ngày .06.. tháng .9... năm 2016... thành hai (02) bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Pháp có giá trị như nhau.

THAY MẶT
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

LÊ MINH TRÍ
Viện trưởng
Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao

THAY MẶT
NƯỚC CỘNG HÒA PHÁP

ANDRE VALLINI
Quốc Vụ khanh
Bộ Ngoại giao và Phát triển quốc tế

TRAITÉ
D'ENTRAIDE JUDICIAIRE EN MATIÈRE PÉNALE
ENTRE
LA RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM
ET
LA RÉPUBLIQUE FRANÇAISE

La République socialiste du Viet Nam et la République française (ci-après dénommées « les Parties »),

Désireuses de renforcer leur coopération dans le domaine de l'entraide judiciaire en matière pénale afin de lutter plus efficacement contre la criminalité,

Dans le respect des droits des personnes et de la primauté du droit,

Sont convenues des dispositions suivantes:

Article 1
Champ d'application

1. Les Parties s'accordent, conformément aux dispositions du présent Traité et à leur législation interne respective, l'entraide judiciaire en matière pénale la plus large possible.

2. L'entraide peut notamment prendre les formes suivantes:

a) la remise de documents;

b) la convocation de témoins et d'experts;

c) l'obtention et la communication d'éléments de preuve, y compris les auditions par vidéoconférence;

d) les dénonciations aux fins de poursuites;

e) le transfèrement temporaire de personnes détenues;

f) les mesures de localisation, d'immobilisation, de gel, de saisie ou de confiscation des produits et instruments des infractions;

g) l'échange d'informations, notamment d'informations bancaires concernant les comptes bancaires et les détenteurs de comptes dans des banques situées sur le territoire de la Partie requise ainsi que sur les opérations bancaires, y compris les renseignements concernant tout compte bancaire émetteur ou récepteur, en lien avec une enquête pénale dans la Partie requérante. Dans ce cas, la Partie requise prend toutes les mesures nécessaires, dans la mesure où sa législation interne le permet, pour faire en sorte que les banques ne révèlent pas au client concerné ni à des tiers le fait que des informations ont été communiquées à la Partie requérante;

h) l'identification et la localisation de personnes;

i) l'exécution de demandes de perquisition;

j) toute autre forme d'aide conforme aux objectifs du présent Traité et qui n'est pas incompatible avec la législation de la Partie requise.

3. L'entraide est également accordée pour des enquêtes, poursuites, décisions judiciaires ou autres procédures se rapportant à des infractions pénales à la législation relative aux impôts, aux droits de douanes et au contrôle des changes ou à tout autre domaine en matière de revenus.

4. Le présent Traité ne s'applique pas:

a) à l'extradition, à l'arrestation ou à la détention de toute personne aux fins de son extradition;

b) à l'exécution dans la Partie requise de condamnations pénales prononcées dans la Partie requérante, sous réserve des cas prévus par la

législation de la Partie requise et par le présent Traité, et notamment des mesures de confiscation prévues à l'article 14;

c) au transfèrement de personnes condamnées aux fins d'exécution d'une peine;

d) aux procédures se rapportant à des infractions militaires qui ne constituent pas des infractions de droit commun.

Article 2
Autorité centrale

1. Chaque Partie désigne une Autorité centrale aux fins de la mise en œuvre du présent Traité.
2. À la date d'entrée en vigueur du présent Traité, les Autorités centrales désignées sont les suivantes:

a) pour la République socialiste du Viet Nam, le Parquet populaire suprême;

b) pour la République française, le ministère de la Justice.

3. Les Parties s'informent mutuellement, par la voie diplomatique, de tout changement intervenant dans les Autorités centrales visées au paragraphe 2 du présent article.

4. Les demandes d'entraide présentées conformément au présent Traité sont adressées directement par l'Autorité centrale de la Partie requérante à l'Autorité centrale de la Partie requise, et les réponses sont adressées par la même voie. Lorsque cela est nécessaire, les Parties peuvent communiquer par la voie diplomatique.

Article 3
Forme et contenu des demandes

1. Les demandes d'entraide doivent contenir les indications suivantes:

a) le nom et l'adresse de l'autorité dont émane la demande et le nom et l'adresse de l'autorité en charge de la procédure;

b) le nom et l'adresse du destinataire;

c) la description des mesures d'entraide demandées, l'objet et le motif de la demande, la nature et l'exposé des faits pertinents, la date, le lieu et les circonstances de commission de l'infraction, les dispositions applicables définissant et réprimant les infractions, l'état d'avancement des investigations et le délai dans lequel la demande doit être exécutée.

2. Les demandes d'entraide peuvent également contenir les indications suivantes:

a) l'identité, la nationalité et le domicile de la ou des personne(s) concernée(s) par la procédure;

b) lorsqu'une audition est sollicitée, une liste des questions à poser et, en cas de demande d'obtention d'éléments de preuve, une description des documents, dossiers ou autre élément de preuves et, le cas échéant, une description de la personne devant fournir ces derniers;

c) en cas de demande de perquisition, de saisie, de localisation ou de confiscation des produits et instruments des infractions, une description des biens et locaux à perquisitionner; les motifs donnant à croire que les produits et instruments des infractions se trouvent sur le territoire de la Partie requise et qu'ils relèvent de la compétence de la Partie requérante ainsi que le titre exécutoire d'ordonnances ou de jugements auxquels la demande se rapporte; la description des mesures applicables à la demande permettant la localisation ou la saisie des produits et instruments des infractions;

d) les détails de toute procédure particulière que la Partie requérante souhaite voir appliquée;

e) le degré de confidentialité requis et les motifs de cette demande de confidentialité;

f) si les autorités compétentes de la Partie requérante souhaitent se déplacer sur le territoire de la Partie requise pour l'exécution de la

demande d'entraide, les motifs, la date et le programme prévus pour le déplacement;

g) tout autre document nécessaire à l'exécution de la demande ou toute autre information de nature à faciliter cette exécution.

3. Si la Partie requise considère que les informations contenues dans la demande ne sont pas suffisantes pour permettre de l'exécuter en vertu du présent Traité, elle sollicite par écrit des informations supplémentaires et fixe une date à laquelle ces informations supplémentaires doivent être reçues.

4. Si l'autorité compétente de la Partie requérante fait une demande d'entraide qui complète une demande antérieure, elle n'est pas tenue de redonner les informations déjà fournies dans la demande initiale. La demande complémentaire contient les informations nécessaires à l'identification de la demande initiale.

5. La demande est présentée par écrit, sauf si la Partie requise, en cas d'urgence, autorise qu'elle soit adressée par un autre moyen lui permettant d'en vérifier l'authenticité. Dans ce cas, une demande écrite est par la suite rapidement adressée par la Partie requérante à la Partie requise.

6. La demande et les documents qui l'accompagnent sont rédigés dans la langue de la Partie requérante et accompagnés d'une traduction dans la langue de la Partie requise ou dans une autre langue acceptée par la Partie requise.

Article 4

Refus ou ajournement de l'entraide

1. L'entraide judiciaire est refusée en vertu du présent Traité dans l'un ou l'autre des cas suivants:

a) si la Partie requise estime que l'exécution de la demande est de nature à porter atteinte à sa souveraineté, à sa sécurité, à son ordre public ou à d'autres de ses intérêts essentiels ou si elle est susceptible d'être contraire aux principes fondamentaux de son droit national et aux accords internationaux auxquels elle est Partie;

b) si la demande se rapporte à une infraction considérée par la Partie requise comme une infraction politique;

c) si la demande concerne la poursuite d'une personne pour une infraction pour laquelle elle a déjà fait l'objet d'une condamnation définitive, ou a été acquittée ou amnistiée dans la Partie requise et que la Partie requise considère comme établi que la procédure conduite dans la Partie requérante vise à poursuivre la même personne pour les mêmes faits.

2. L'entraide judiciaire peut ne pas être accordée en vertu du présent Traité:

a) si la demande concerne une infraction ne pouvant plus faire l'objet de poursuites en raison de la prescription en vertu de la législation de la Partie requise;

b) si la demande se rapporte à un acte ou à une omission qui ne constitue pas une infraction en vertu de la législation de la Partie requise.

3. La Partie requise n'invoque pas le secret bancaire comme motif pour rejeter toute coopération concernant une demande d'entraide judiciaire.

4. L'entraide peut être ajournée par la Partie requise si l'exécution de la demande risque d'entraver une enquête, des poursuites ou des procédures judiciaires en cours dans la Partie requise.

5. Avant de refuser une demande ou d'en ajourner l'exécution en vertu du présent article, la Partie requise:

a) informe rapidement la Partie requérante du ou des motifs de refus ou d'ajournement; et

b) consulte la Partie requérante pour déterminer si l'entraide peut être fournie sous réserve de certaines conditions jugées nécessaires par la Partie requise. Si la Partie requérante accepte ces conditions, elle doit s'y conformer.

Article 5
Exécution des demandes

1. La Partie requise exécute le plus rapidement possible la demande d'entraide conformément à sa législation.

2. À la demande de la Partie requérante, la Partie requise respecte les formalités et les procédures expressément indiquées par la Partie requérante, sauf disposition contraire du présent Traité et pour autant que ces formalités et procédures ne soient pas contraires aux principes fondamentaux du droit de la Partie requise.

3. Lorsque la demande ne peut pas être exécutée ou ne peut pas être exécutée entièrement, la Partie requise en informe sans délai la Partie requérante et indique les conditions dans lesquelles la demande pourrait être exécutée. La Partie requérante et la Partie requise peuvent ultérieurement s'accorder sur la suite à réserver à la demande.

4. Si la Partie requérante le sollicite expressément, la Partie requise l'informe de la date et du lieu d'exécution de la demande. Si les autorités compétentes de la Partie requise y consentent, les autorités de la Partie requérante peuvent assister à l'exécution de la demande.

5. L'Autorité centrale de la Partie requise informe rapidement l'Autorité centrale de la Partie requérante des résultats de l'exécution de la demande d'entraide.

Article 6
Remise de documents

1. La Partie requise procède à la remise des actes de procédure et des décisions et autres documents judiciaires qui lui sont adressés à cette fin par la Partie requérante. La Partie requise effectue la remise dans l'une des formes prévues par sa législation ou, à la demande expresse de la Partie requérante, dans une forme spéciale compatible avec cette législation.

2. La Partie requise adresse à la Partie requérante la preuve de la remise du document en indiquant la forme et la date de la remise. Si la remise ne peut

pas être effectuée, la Partie requise en fait connaitre les motifs à la Partie requérante.

3. Les citations à comparaitre d'un témoin ou d'un expert sont adressées à la Partie requise au moins quatre-vingt-dix (90) jours avant la date fixée pour la comparution dans la Partie requérante. En cas d'urgence, la Partie requise peut renoncer à cette exigence.

Article 7

Fourniture de documents et d'autres dossiers

1. La Partie requise fournit les copies des documents, dossiers ou informations se rapportant à l'exécution de la demande d'entraide judiciaire en matière pénale.

2. Les extraits du casier judiciaire et tous les renseignements relatifs à ce dernier sont communiqués conformément à la législation de la Partie requise et dans les mêmes conditions qu'ils peuvent l'être à ses propres autorités compétentes en pareil cas.

3. La Partie requise peut ne fournir que des copies certifiées conformes des documents ou dossiers originaux, à moins que la Partie requise ne requière les originaux.

4. La Partie requise peut surseoir à la remise des objets, dossiers ou documents dont la communication est demandée, s'ils lui sont nécessaires pour une procédure pénale en cours.

Article 8

Restitution de documents

Les pièces à conviction ainsi que les originaux des dossiers et documents communiqués en exécution d'une demande d'entraide sont conservés par la Partie requérante, sauf si la Partie requise en a demandé le retour.

Article 9

Perquisition et saisie

1. La Partie requise exécute, dans la mesure où sa législation le lui permet, les demandes de perquisition et de saisie de pièces à conviction. Dans ce cas, les droits de tiers de bonne foi sont respectés et protégés.

2. La Partie requise informe la Partie requérante du résultat de l'exécution desdites demandes.

3. La Partie requérante se conforme à toute condition imposée par la Partie requise quant aux objets saisis remis à la Partie requérante.

Article 10
Recueil de témoignages et de dépositions

1. Sur demande de la Partie requérante et dans le respect de sa législation, la Partie requise recueille les témoignages et dépositions de personnes ou leur demande de fournir des éléments de preuve aux fins de transmission à la Partie requérante.

2. Toute personne appelée à témoigner dans la Partie requise en vertu du présent article peut refuser de témoigner, soit:

a) si la législation de la Partie requise autorise ou fait obligation à cette personne de refuser de témoigner dans des circonstances similaires dans une procédure engagée dans la Partie requise, ou soit

b) si la législation de la Partie requérante autorise ou fait obligation à cette personne de refuser de témoigner dans des circonstances similaires dans une procédure engagée dans la Partie requérante.

3. Si une personne dans la Partie requise affirme que la législation de la Partie requérante lui donne droit ou fait obligation de refuser de témoigner, l'Autorité centrale de la Partie requérante fournit, sur demande, à l'Autorité centrale de la Partie requise, un certificat officiel établissant l'existence de ce droit ou de cette obligation. En l'absence de preuve du contraire, ce certificat officiel constitue une preuve suffisante des informations qui y figurent.

4. Aux fins du présent article, la déposition ou le recueil d'un témoignage incluent la production de documents, de dossiers ou d'autres pièces se rapportant à la déposition ou au recueil du témoignage.

Article 11

Transfèrement temporaire de personnes détenues aux fins d'entraide

1. Toute personne détenue dans la Partie requise dont la comparution personnelle en qualité de témoin ou pour contribuer à une enquête est demandée par la Partie requérante peut être transférée temporairement sur le territoire de celle-ci.

2. La Partie requise ne procède au transfèrement de la personne détenue vers la Partie requérante qu'aux conditions suivantes:

a) la personne y consent par écrit;

b) les Parties se mettent d'accord sur les conditions concernant la détention et la sécurité de la personne transférée, ainsi que sur le délai dans lequel elle doit être renvoyée.

3. Le transfèrement peut être refusé:

a) si la présence de la personne détenue est nécessaire dans une procédure pénale en cours sur le territoire de la Partie requise; ou

b) si son transfèrement est susceptible de prolonger sa détention.

4. Aux fins du présent article:

a) la personne transférée reste en détention sur le territoire de la Partie dans laquelle elle est transférée, à moins que la Partie sur le territoire de laquelle elle est détenue ne demande sa mise en liberté. La personne transférée en vertu du présent article est retournée à la Partie requise selon les modalités convenues entre les Parties ou à toute date antérieure si la présence de la personne n'est plus requise. La période de détention sur le territoire de la Partie requérante est déduite de la période de détention que doit subir l'intéressé(e);

b) si la Partie requise informe la Partie requérante que la personne transférée ne doit plus être maintenue en détention, cette personne est remise en liberté et traitée comme une personne visée à l'article 12;

c) en cas d'évasion de la personne transférée sur le territoire de l'autre Partie, la Partie requise peut solliciter l'ouverture d'une enquête pénale sur ces faits.

Article 12

Comparution de témoins ou d'experts appelés à contribuer à une enquête ou à témoigner dans la Partie requérante

1. À la demande de la Partie requérante, la Partie requise invite le témoin ou l'expert à se rendre dans la Partie requérante pour y contribuer à une enquête ou y témoigner. La Partie requise fait connaître la réponse du témoin ou de l'expert à la Partie requérante.

2. La citation fait mention du sauf-conduit visé à l'article 13 et des autres conditions de la comparution, telles que les frais de voyage et de séjour à rembourser et les frais pris en charge et indemnités à verser par la Partie requérante. La Partie requise informe la Partie requérante de la réponse de la personne et, si celle-ci y consent, prend les mesures nécessaires pour exécuter la demande.

3. Le témoin ou l'expert qui n'aura pas déféré à une citation à comparaître dont la remise a été demandée ne pourra être soumis, alors même que cette citation contiendrait des injonctions, à aucune sanction ou mesure de contrainte, à moins qu'il ne se rende par la suite de son plein gré sur le territoire de la Partie requérante et qu'il n'y soit régulièrement cité à nouveau.

Article 13

Sauf-conduit

1. La personne se trouvant dans la Partie requérante dans le cadre d'une demande faite en application des articles 11 et 12 du présent Traité:

a) ne peut être ni poursuivie, ni détenue, ni soumise à aucune autre restriction de sa liberté individuelle sur le territoire de la Partie requérante pour des faits ou antérieurs à son départ du territoire de la Partie requise;

b) ne peut, sans son consentement, être tenue de témoigner dans une procédure pénale ou prêter son concours à une enquête autre que l'affaire pénale pour laquelle la demande a été faite.

2. Le paragraphe 1 du présent article cesse de s'appliquer si la personne, étant libre de partir, n'a pas quitté le territoire de la Partie requérante dans un délai de quinze (15) jours consécutifs après qu'elle a été officiellement informée que sa présence n'était plus nécessaire ou si, ayant quitté la Partie requérante, elle y est retournée de son plein gré.

3. La personne qui ne consent pas à prêter son concours à une enquête ou à témoigner en vertu de l'article 11 ou de l'article 12 du présent Traité n'encourt aucune sanction ni ne saurait être soumise à aucune mesure de coercition dans la Partie requérante ou la Partie requise.

4. La personne qui consent à prêter son concours à une enquête ou à témoigner en vertu de l'article 11 ou de l'article 12 du présent Traité ne saurait être poursuivie pour ses déclarations, à moins qu'elle n'ait fait un faux témoignage.

Article 14

Produits et instruments des infractions

1. La Partie requise s'efforce, sur demande de la Partie requise, de vérifier si des produits et instruments des infractions se trouvent sur son territoire et informe la Partie requérante des résultats de ses investigations. Dans sa demande, la Partie requérante communique à la Partie requise les raisons qui la portent à croire que de tels produits et instruments des infractions se trouvent sur son territoire.

2. Si des produits et instruments des infractions sont trouvés, la Partie requise prend toute mesure compatible avec sa législation pour prévenir toute transaction, transfert ou cession en attendant qu'il ait été statué définitivement à leur égard.

3. La Partie requise, dans la mesure où sa législation le permet et à la demande de la Partie requérante, envisage à titre prioritaire de restituer à celle-ci les produits et instruments des infractions, notamment en vue de l'indemnisation des victimes ou de la restitution de ces produits à leur propriétaire légitime, sans préjudice des droits des tiers de bonne foi.

4. À la demande de la Partie requérante, la Partie requise, dans la mesure où sa législation le permet, exécute une décision définitive de confiscation prononcée par les autorités judiciaires de la Partie requérante.

5. Sauf si les Parties en décident autrement, la Partie requise peut déduire, le cas échéant, les dépenses raisonnables encourues pour les procédures ayant abouti à la restitution ou à la disposition des biens confisqués en application du présent article.

6. Les Parties concluent, au cas par cas, des accords ou des arrangements mutuellement acceptables pour la disposition définitive des biens confisqués ou pour le partage du produit de la vente de ces biens. Si les montants recouvrés sont peu élevés, la Partie requérante peut envisager de laisser à la Partie requérante le soin d'en disposer.

7. Aux fins du présent Traité, l'expression «produits des infractions» désigne tout bien provenant, directement ou indirectement de la commission d'une infraction ou obtenu directement ou indirectement en la commettant, et l'expression «instruments des infractions» désigne tout bien qui a été, est utilisé ou qu'il est prévu d'utiliser pour commettre une infraction.

Article 15
Dénonciation aux fins de poursuites

1. Chacune des Parties peut dénoncer à l'autre Partie des faits susceptibles de constituer une infraction pénale relevant de la compétence de cette dernière afin que puissent être diligentées sur son territoire des poursuites pénales.

2. La Partie requise informe la Partie requérante de toute mesure prise sur la base de cette information.

Article 16
Échange spontané d'informations

1. Dans la limite de leur droit national, les autorités compétentes des deux Parties peuvent, sans qu'une demande ait été présentée en ce sens, transmettre ou échanger des informations concernant les infractions pénales dont le

traitement relève de la compétence de l'autorité destinataire au moment où l'information est fournie.

2. L'autorité qui fournit l'information peut, conformément à son droit national, soumettre à certaines conditions son utilisation par l'autorité destinataire.

3. L'autorité destinataire est tenue de respecter ces conditions dès lors qu'ayant été avisée au préalable de la nature de l'information, elle a accepté que cette dernière lui soit transmise.

4. Ces informations sont communiquées conformément aux dispositions de l'article 3, paragraphe 5.

Article 17
Casiers judiciaires

1. Conformément à sa législation, chacune des Parties informe l'autre Partie de toutes les condamnations pénales prononcées par ses juridictions à l'encontre des ressortissants de l'autre Partie.

2. Ces notifications sont adressées une fois par an.

Article 18
Confidentialité et spécialité

1. La Partie requise peut demander que les informations ou éléments de preuve fournis, ainsi que les sources de ces informations ou preuves, restent confidentiels ou ne soient divulgués ou utilisés que selon les termes et conditions qu'elle aura spécifiés. Lorsqu'elle entend faire usage de ces dispositions, la Partie requise en informe préalablement la Partie requérante. Si la Partie requérante accepte ces termes et conditions, elle est tenue de les respecter. Dans le cas contraire, la Partie requise peut refuser l'entraide.

2. La Partie requise respecte le caractère confidentiel de la demande et de son contenu dans les conditions prévues par sa législation. Si la demande ne peut être exécutée sans qu'il soit porté atteinte à son caractère confidentiel, la Partie requise en informe la Partie requérante qui décide s'il faut néanmoins donner suite à l'exécution.

3. La Partie requérante ne saurait, sans le consentement préalable de la Partie requise, utiliser ou divulguer des informations ou éléments de preuve obtenus en vertu du présent Traité à des fins autres que l'objet spécifié dans la demande.

4. En fonction des circonstances particulières, la Partie requise peut demander à la Partie requérante de l'informer de l'utilisation de ces informations.

5. La Partie requérante prend toutes les précautions utiles, au regard de la nature des données et des risques présentés par leur traitement, pour préserver la sécurité des données et, notamment, empêcher qu'elles soient déformées, endommagées, ou que des tiers non autorisés y aient accès.

Article 19
Certification et authentification

1. Sans préjudice du paragraphe 2 du présent article, la demande d'entraide, les documents qui l'accompagnent et les documents ou matériels fournis en réponse à la demande ne nécessitent aucune forme de certification ou d'authentification.

2. Si, dans un cas particulier, la Partie requise ou la Partie requérante demande que des documents ou matériels soient authentifiés, ceux-ci sont dûment authentifiés de la manière prévue au paragraphe 3.

3. Les documents ou matériels sont authentifiés aux fins du présent Traité s'ils sont signés par un responsable officiel d'une autorité compétente et revêtus d'un cachet officiel de cette autorité conformément à la législation de la Partie qui adresse les documents.

Article 20
Frais

La Partie requise prend en charge le coût de l'exécution de la demande d'entraide, à l'exception des points suivants, qui sont pris en charge par la Partie requérante:

a) les frais relatifs au transfèrement temporaire de personnes détenues, conformément à l'article 11;

b) les indemnités et les frais de voyage et de séjour à verser au témoin ou à l'expert et les autres frais résultant de la comparution d'experts sur le territoire de la Partie requise conformément à l'article 12;

c) les dépenses de caractère extraordinaire résultant de l'exécution de la demande d'entraide, à la demande de la Partie requise, qui en informe la Partie requérante afin de fixer les conditions auxquelles l'exécution de la demande peut se poursuivre.

Article 21

Autres accords ou conventions

Le présent Traité n'exclut pas une entraide plus large qui aurait été ou serait convenue entre les Parties en vertu d'autres accords ou conventions.

Article 22

Consultations

Les Parties se consultent mutuellement, à des dates mutuellement agréées entre elles et par la voie diplomatique, sur l'interprétation et l'application du présent Traité.

Article 23

Règlement des différends

Tout différend relatif à l'interprétation ou à l'application du présent Traité est réglé par la négociation directe entre les Parties, par écrit et par la voie diplomatique.

Article 24

Entrée en vigueur et dénonciation

1. Chacune des Parties notifiera à l'autre l'accomplissement des procédures requises pour l'entrée en vigueur du présent Traité.

2. Le présent Traité entrera en vigueur le premier jour du deuxième mois suivant la date de réception de la dernière notification.

3. Le présent Traité s'applique aux demandes présentées après son entrée en vigueur, même si les faits auxquels elle se réfère ont eu lieu avant cette date.

4. Le présent Traité peut être modifié par consentement mutuel entre le Parties. Les modifications entrent en vigueur conformément aux dispositions du paragraphe 2 du présent article. Si le Traité est modifié ou complété, les modifications et ajouts deviennent partie intégrante du Traité.

5. Chaque Partie contractante peut dénoncer le présent Traité en adressant une notification à l'autre Partie par la voie diplomatique. Cette dénonciation prend effet le premier jour du sixième mois suivant la date à laquelle elle est reçue par l'autre Partie et n'affecte pas les demandes d'entraide en cours.

EN FOI DE QUOI, les plénipotentiaires des deux Parties ont signé le présent Traité.

FAIT À Ha Noi, le 06/7/2016 en double exemplaire en langues vietnamienne et française, les deux textes faisant également foi.

POUR LA RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM	POUR LA RÉPUBLIQUE FRANÇAISE
LE MINH TRI	ANDRE VALLINI

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng